

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày 12 tháng 04 năm 2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thanh Tú**

Các hội thẩm nhân dân: **1. Ông Đinh Thiện Tụy**

2. Bà Trương Chúc Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thị Mai** – Thư ký Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: **Ông Ngô Minh Hùng** – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 12.04.2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 08 năm 2018 về việc: tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 03 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐHPT-ST ngày 27 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S

Trụ sở: Lầu 8, 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lần 1: Ông Nguyễn Hữu P – Giám đốc trung tâm thẻ (Theo giấy ủy quyền số 4213/2017/GUQ-PLTT ngày 28/12/2017).

Người đại diện theo ủy quyền lần 2: Bà Nguyễn Thị N1 – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro chi nhánh 8/3 H (Theo giấy ủy quyền số 555/2018/UQ-TTT ngày 25/03/2018)

Người đại diện theo ủy quyền lần 3: Ông Nguyễn Đình T – Phó Giám đốc trung tâm thẻ S (Theo giấy ủy quyền số 2615A/2018/GUQ-PL ngày 17/08/2018)

Người đại diện theo ủy quyền lần 4: Ông Lê Nguyễn Khoa N2 – Phó Giám đốc trung tâm thẻ Sacombank (Theo giấy ủy quyền số 3892/2018/GUQ-PL ngày 03/12/2018)

Người đại diện theo ủy quyền lần 5: Ông Nguyễn Thanh Tùng – Nhân viên (Theo giấy ủy quyền số 179/2019/UQ-TTT ngày 15/01/2019).

Có mặt tại phiên tòa.

Bí đơn: Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm: 1955

Hộ khẩu thường trú và trú tại: số 16 ngõ 180 (số mới 35-37 ngõ 180) phố L, phường Đ, quận T, thành phố H.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn là Ngân hàng S (Sacombank) do ông Nguyễn Thanh Tùng đại diện trình bày:

Ngày 08/09/2011, Bà Lê Thị Tuyết M có ký với Ngân hàng S hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của bà M, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho bà M thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Hình thức đảm bảo cấp thẻ là tín chấp. Trường hợp sử dụng vượt quá hạn mức thì chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán với tất cả các giao dịch và tiền phát sinh do vượt quá hạn mức. Lãi suất trong hạn là 2,15%, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 774.213.509 (Bảy trăm bảy mươi tư triệu hai trăm mười ba nghìn năm trăm linh chín) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Lê Thị Tuyết M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 864.802.918 (Tám trăm sáu mươi tư triệu tám trăm linh hai nghìn chín trăm mười tám) đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Cụ thể, phí trễ hạn 22.944.741 đồng, phí vượt hạn mức: 200.000 đồng, phí thường niên: 5.391.000 đồng, lãi trong hạn: 200.132.307 đồng và trừ đi một phần giao dịch là 636.334.670 đồng. Bà M sử dụng thẻ từ ngày 25/09/2011 và có thanh toán đều cho ngân hàng nhưng đến ngày 25/10/2016 thì ngừng thanh toán. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/01/2017, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 138.078.639 đồng, áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng, tiền lãi quá hạn kể từ ngày 25/01/2017 đến ngày 08/03/2018 là 60.413.045 đồng. Tổng cộng, bà Lê Thị Tuyết M nợ Ngân hàng 198.491.684 (Một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi tư) đồng.

Nay Ngân hàng S đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị Tuyết M phải thanh toán ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/03/2018 là 198.491.684 (Một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm chín một nghìn sáu trăm tám mươi tư) đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng cấp thẻ tín dụng từ ngày 09/03/2018 đến khi bà Lê Thị Tuyết M trả dứt nợ vay cho Ngân hàng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn bà Lê Thị Tuyết M vắng mặt không có lý do, không có bản tự khai.

Quá trình tiến hành tố tụng trong đơn khởi kiện, người khởi kiện Ngân hàng S có ghi đầy đủ cụ thể, đúng nơi ở hiện tại của người bị kiện là bà Lê Thị Tuyết M tại số 16 ngõ 180 L, phường Đ, quận T, thành phố H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã tiến hành xác minh, trao đổi với Công an phường Đ, quận T, thành phố H. Kết quả xác minh, bị đơn bà Lê Thị Tuyết M có hộ khẩu thường trú và hiện nay đang ăn ở thường xuyên tại số 16 ngõ 180 (số mới 35-37 ngõ 180) phố L, phường Đ, quận T, thành phố H. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã nhiều lần đến tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, Giấy báo, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại nơi ở hiện nay của bà Lê Thị Tuyết M. Bà M đã nhận trực tiếp các văn bản trên.

Tại phiên tòa ngày 27/03/2019, bị đơn là bà Lê Thị Tuyết M vắng mặt không có lý do. Phiên tòa tiếp theo được ấn định vào ngày 12/04/2019. Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã tiến hành tổng đạt trực tiếp Quyết định hoãn phiên tòa, bà M đã nhận được nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do tại phiên tòa ngày 12/04/2019. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Tuyết M theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Ngân hàng S bổ sung yêu cầu trong đơn khởi kiện, cụ thể, theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: Số nợ bà Lê Thị Tuyết M phải thanh toán là 257.865.684 (Hai trăm năm mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi tư) đồng, trong đó, nợ gốc là 138.078.639 (Một trăm ba mươi tám triệu không trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi chín) đồng, lãi quá hạn là 119.787.045 (Một trăm mười chín triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi lăm) đồng tính đến ngày 12/04/2019.

Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà Lê Thị Tuyết M thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ thanh toán.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình khởi kiện, thụ lý hồ sơ và giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân

thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự, đảm bảo tính khách quan, công minh và tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng bà Lê Thị Tuyết M vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Lê Thị Tuyết M về tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/09/2011. Buộc bà Lê Thị Tuyết M phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng S tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/09/2011 tính đến ngày Tòa án xét xử vụ án là 257.865.684 đồng (bao gồm: nợ gốc 138.078.639 đồng, lãi quá hạn: 119.787.045 đồng) và phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 13/04/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- **Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:** Ngân hàng S khởi kiện tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đối với bà Lê Thị Tuyết M có hộ khẩu thường trú và hiện đang trú tại 16 ngõ 180 (số mới 35-37 ngõ 160) phố L, phường Đ, quận T, thành phố H. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- **Về áp dụng pháp luật:** Do hợp đồng dân sự các bên được xác lập ngày 08/09/2011, thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực nên áp dụng quy định pháp luật của Bộ luật dân sự 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

- **Về sự vắng mặt của bị đơn:** Bị đơn bà Lê Thị Tuyết M có địa chỉ rõ ràng trong khi thực hiện hợp đồng, khi vi phạm nghĩa vụ dân sự bà M vẫn ở địa chỉ trên. Qua xác minh tại Công an phường Đ, quận T xác nhận bà M hiện nay vẫn ăn ở thường xuyên tại địa chỉ 16 ngõ 180 (số mới 35-37 ngõ 180) phố L, phường Đ, quận H, thành phố H. Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo ý kiến của nguyên đơn và triệu tập bà M đến làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Bà M đã nhận trực tiếp các văn bản trên nhưng vẫn vắng mặt không có lý

do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bà Mai.

2. Về nội dung:

Xét tính pháp lý của Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 08/09/2011 và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 08/09/2011, Ngân hàng S ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bà Lê Thị Tuyết M với hạn mức là 200.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Hình thức đảm bảo cấp thẻ là tín chấp. Trường hợp sử dụng vượt hạn mức thì chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán với tất cả các giao dịch và tiền phí phát sinh do vượt quá hạn mức. Lãi suất trong hạn là 2,15%, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 774.213.509 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng S số tiền 864.802.918 đồng. Bà M sử dụng thẻ từ ngày 25/09/2011 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến ngày 25/10/2016 thì ngưng thanh toán. Thứ tự thanh toán căn cứ theo điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Cụ thể: Phí trễ hạn là 22.944.741 đồng, phí vượt hạn mức là 200.000 đồng, phí thường niên là 5.391.000 đồng, lãi trong hạn là 200.132.307 đồng và trừ đi một phần giao dịch là 636.334.670 đồng. Do bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/01/2017, Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu gồm nợ gốc, phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức và phí sử dụng thẻ (lãi phát sinh từ ngày 25/9/2011 đến ngày 25/01/2017) được chuyển thành nợ gốc và được Ngân hàng S chuyển sang dư nợ chưa thanh toán và tính lãi suất quá hạn đối với toàn bộ số nợ chưa thanh toán này (Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Hiện bà M còn nợ Ngân hàng S số tiền nợ gốc là 138.078.639 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ hợp đồng trên.

Xét thấy Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 08/09/2011 được hai bên ký kết tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên có đủ năng lực tham gia giao dịch dân sự, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 122 Bộ luật dân sự 2005 xác định hợp đồng là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện. Quá trình sử dụng thẻ bà Lê Thị Tuyết M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Mai và chuyển các khoản nợ sang nợ quá hạn. Do vậy việc Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà M phải thanh toán các khoản tiền chưa thanh toán bao gồm nợ gốc, lãi quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng. Căn cứ Điều 281, Điều 290, Khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của Ngân hàng S đối với bà Lê Thị Tuyết M. Buộc bà M phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ gốc theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 08/09/2011 là 138.078.639 (Một trăm ba mươi tám triệu không trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi chín) đồng.

Đối với số tiền nợ lãi: Xét thấy từ ngày 25/10/2016, bà M ngừng thanh toán tiền cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Ngân hàng S đã thông báo cho bà M biết nợ thẻ tín dụng đã quá hạn, yêu cầu bà M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà M không thực hiện. Trong ba kỳ trả nợ tiếp theo vào các kỳ 25/11/2016, 25/12/2016, 25/01/2017, Ngân hàng S chỉ áp dụng tính lãi trong hạn để tạo điều kiện cho bà M có khả năng thanh toán và tiếp tục sử dụng thẻ. Tuy nhiên, sau ba kỳ liên tiếp, bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/01/2017, Ngân hàng S đã chuyển toàn bộ số dư nợ gốc sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn $150\% \times 2,15\%/tháng$. Tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng...*”, tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng*”. Do đó, mức lãi suất mà ngân hàng yêu cầu đối với bà M là phù hợp với các quy định của Pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết nên được chấp nhận. Buộc bà M ngoài việc thanh toán số tiền nợ gốc 138.078.639 (Một trăm ba mươi tám triệu không trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi chín) đồng cho ngân hàng còn phải thanh toán số tiền nợ lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 26/01/2016 tạm tính đến ngày 12/04/2019 là 119.787.045 (Một trăm mười chín triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi lăm) đồng. Tổng cộng là 257.865.684 (Hai trăm năm mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi tư) đồng. Kể từ ngày 13/04/2019, bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S được Tòa án chấp nhận nên căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.962.293 (Bốn triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu số 0004144 ngày 09/08/2018 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Bà Lê Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị Tuyết M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 122, khoản 1 Điều 281, Điều 290, khoản 2 Điều 305, Điều 388, Điều 389, Điều 390, Điều 391, Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật thi hành án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với bà Lê Thị Tuyết M về tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 08/09/2011.

2. Buộc bà Lê Thị Tuyết M phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 12/04/2019 là 257.865.684 (Hai trăm năm mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi tư) đồng, trong đó, nợ gốc là 138.078.639 (Một trăm ba mươi tám triệu không trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi chín) đồng, lãi quá hạn: 119.787.045 (Một trăm mười chín triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi lăm) đồng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/09/2011 và bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, ngày 13/04/2019, bà Lê Thị Tuyết M tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa bà Mai và Ngân hàng S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.893.284 (Mười hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tư) đồng. Ngân hàng S được hoàn lại số tiền 4.962.293 đồng (Bốn triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm

chín mươi ba) dự phí đã nộp theo Biên lai số 0004144 ngày 09/08/2018 tại Cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 của luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Tuyết M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường Đ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tú